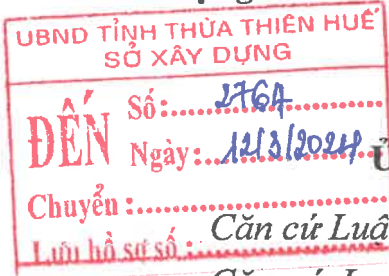


Số: 11 /2024/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Quy định phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;  
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và bãi bỏ Quyết định số 61/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây

dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL;
- Bộ Xây dựng;
- TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- TAND, Viện KSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công TTĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT.CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Hoàng Hải Minh**



## QUY ĐỊNH

**Phân cấp công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
(Kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này Phân cấp công tác quản lý nhà nước về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư; vốn nhà nước ngoài đầu tư công và các dự án sử dụng vốn khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (trừ các dự án, công trình quy định tại khoản 2 Điều này)

2. Các dự án, các công trình không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, gồm: các dự án, các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn khu kinh tế, công nghiệp do Ban Quản lý Khu Kinh tế, Công nghiệp tỉnh quản lý; dự án xây dựng công trình đặc thù (công trình bí mật nhà nước, công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp); các dự án, công trình quốc phòng, an ninh; công trình xây dựng tạm.

3. Các nội dung khác không được quy định tại Quy định này, thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ và nguyên tắc phân cấp

1. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư: Là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người

quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương.

3. Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý xây dựng trên địa bàn cấp huyện.

4. Nguyên tắc phân cấp: Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn khác được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo đúng pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và tình hình thực tế của các địa phương.

## **Chương II**

### **THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**Điều 4. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh**

1. Sở Xây dựng đối với dự án, công trình theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) (trừ quốc lộ qua đô thị; đường tỉnh theo quy định quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc Sở Giao thông vận tải quản lý; các tuyến đường liên khu vực ngoài đô thị, các tuyến đường liên huyện ngoài đô thị).

2. Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thực hiện tại khoản 1 Điều này).

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình quy định tại điểm c khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Sở Công Thương đối với dự án, công trình quy định tại điểm d khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này).

**Điều 5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của Người quyết định đầu tư theo các nội dung quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng**

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND)

3. Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn khác và các dự án không thuộc quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này: Người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc làm cơ quan chủ trì thẩm định. Trường hợp không có cơ quan chuyên môn trực thuộc, người quyết định đầu tư giao tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án tổ chức thẩm định.

**Điều 6. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các nội dung quy định tại khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng**

1. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư.



b) Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

c) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh tổ chức thẩm định đối các dự án sử dụng vốn chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất do Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư.

d) Ngoài các dự án được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các dự án được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

2. Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

c) Ngoài các dự án được quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án nhóm B có cấp công trình từ cấp II trở xuống, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn và lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các dự án được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Đối với các dự án theo phương thức đối tác công tư (sau đây viết tắt là dự án PPP) theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án PPP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ dự án quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

b) Việc thẩm định các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn khác theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP :

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng có công trình ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng có công trình cấp II; các dự án có công trình công nghiệp năng lượng cấp III, công trình công nghiệp dầu khí cấp III, công trình công nghiệp hóa chất cấp

III ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các dự án quy định tại điểm d khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

b) Phân cấp cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng có công trình ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng có công trình cấp III trở xuống được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của huyện (trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này).

### **Điều 7. Một số quy định về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

1. Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP. Trong trường hợp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng chưa xác định được loại công trình, giao Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân tỉnh xác định cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm chủ trì thẩm định để phân công thực hiện.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án về các nội dung của dự án; phòng chống cháy nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên; kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác. Kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc đối với dự án nhóm A, không quá 07 (bảy) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với dự án nhóm C, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình phải có văn bản góp ý gửi về cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết làm cơ sở cho việc thẩm định.

4. Đối với dự án xây dựng công trình theo tuyến đi qua hai địa phương cấp huyện trở lên thì cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định.

## **Chương III THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ**

### **Điều 8. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở**

1. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định (trong trường hợp người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định) theo quy định tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Xây dựng làm cơ sở phê duyệt, trừ trường hợp người quyết định đầu tư có quy định khác tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

2. Thẩm quyền thẩm định thiết kế và dự toán đối với dự án có cấu phần xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

3. Trong quá trình thẩm định, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

4. Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng. Việc thẩm tra thiết kế xây dựng đối với công trình xây dựng nêu trên được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

**Điều 9. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo các nội dung quy định tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng**

1. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, các công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định đối với công trình xây dựng thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, các công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

b) Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

c) Ngoài các công trình thuộc dự án quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với công trình xây dựng thuộc dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các công trình thuộc dự án được quy định tại điểm a khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

2. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:



a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định đối với công trình thuộc dự án có quy mô nhóm B có cấp công trình từ cấp II trở xuống, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định đối với công trình thuộc dự án có quy mô nhóm B có cấp công trình từ cấp II trở xuống, dự án có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

c) Ngoài các công trình thuộc dự án quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các công trình thuộc dự án được quy định tại điểm b khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án PPP theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì thẩm định đối với công trình xây dựng thuộc dự án PPP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh (trừ các công trình thuộc dự án được quy định tại điểm c khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

4. Đối với công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn khác theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh chủ trì tổ chức thẩm định đối với công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng dự án có công trình cấp II; công trình công nghiệp năng lượng cấp III, công trình công nghiệp dầu khí cấp III, công trình công nghiệp hóa chất cấp III ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn

b) Phân cấp Cơ quan quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định đối với công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng dự án có công trình cấp III trở xuống được xây dựng tại khu vực không có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn (trừ các công trình quy định tại điểm a khoản này).

5. Đối với dự án hỗn hợp gồm nhiều loại công trình khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo chuyên ngành quản lý quy định tại Điều 4 Quy định này đối với công trình chính của dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính. Trường hợp các công trình chính có cùng một cấp, chủ đầu tư được lựa chọn trình thẩm định cơ quan chuyên môn về xây dựng theo một công trình

chính của dự án. Cơ quan đầu mối thẩm định có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tham gia ý kiến thẩm định đối với từng hạng mục công trình chuyên ngành.

6. Việc thẩm định bước thiết kế kỹ thuật tổng thể (FEED) phục vụ lựa chọn nhà thầu trong trường hợp thực hiện hình thức hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình hoặc bước thiết kế khác triển khai theo thông lệ quốc tế quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP .

#### **Điều 10. Thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở**

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo thẩm quyền quy định tại Điều 9 Quy định này thực hiện việc thẩm định thiết kế xây dựng điều chỉnh đối với các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP .

2. Đối với thiết kế xây dựng điều chỉnh, bổ sung không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở phê duyệt.

#### **Điều 11. Một số quy định trong công tác thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở**

1. Việc thẩm định dự toán xây dựng công trình được thực hiện đồng thời với việc thẩm định bước triển khai sau thiết kế cơ sở. Việc thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình được thực hiện với toàn bộ các công trình hoặc từng công trình của dự án hoặc bộ phận công trình theo giai đoạn thi công công trình theo yêu cầu của chủ đầu tư nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung, cơ sở tính toán trong các kết quả thẩm định.

2. Đối với công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định;

Đối với các công trình khác, Chủ đầu tư xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung làm cơ sở cho việc thẩm định.

3. Đối với phần tài sản, trang thiết bị không gắn liền chi phí xây dựng công trình (nếu có): Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức xác định, thẩm định, chịu trách nhiệm về giá các loại thiết bị theo quy định của Luật giá và các quy định khác có liên quan.

4. Trường hợp cần thiết, Cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án về các nội dung có liên quan. Kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc đối với dự án nhóm A, không quá 07 (bảy) ngày làm việc đối với dự án nhóm B hoặc công trình cấp II và không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với dự án nhóm C hoặc công trình cấp III trở xuống; các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của mình phải có văn bản góp ý gửi về cơ quan chủ trì thẩm định.

## CHƯƠNG IV

### TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

#### **Điều 12. Xử lý chuyển tiếp**

Việc xử lý chuyển tiếp đối với các nội dung công việc có liên quan đến công tác thẩm định của người quyết định đầu tư, thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 8 Điều 16 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh**

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quy định này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định.

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời điều chỉnh việc phân cấp cho phù hợp với từng đơn vị.

2. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy định này; báo cáo theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu gửi Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định do mình thực hiện.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh có trách nhiệm báo cáo theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu gửi Sở Xây dựng kết quả thực hiện công tác thẩm định do mình thực hiện.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Quy định này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đúng nội dung được phân cấp.

3. Trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp. Khi thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình gửi chủ đầu tư, đồng thời phải gửi văn bản cho Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp, theo dõi.

b) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ; sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để thực hiện công tác thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình.

c) Báo cáo theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu về tình hình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình gửi Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để tổng hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.